

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đại

Ông Nguyễn Hữu Mùi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TB-TLVA ngày 24/5/2019 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu T** – sinh năm 1994

Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Vũ Trung K** – sinh năm 1995

Cư trú tại: Thôn 01, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu T trình bày:

Chị và bị đơn là anh Vũ Trung K kết hôn với nhau vào ngày 22/11/2018 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh K tại xã P. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh K đã có người phụ nữ khác không quan tâm đến gia đình. Chị T đã về nhà bố mẹ ở phường C, quận B, thành phố Hà Nội từ tháng 1/2019. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị T xác nhận không có con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác nhận không có gì.
- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:*
- + Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:
 - Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Vũ Trung K.
 - Về con chung, về tài sản chung, về vay nợ chung: Không có nên không phải giải quyết.
 - Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thu T cư trú tại phường C, quận B, thành phố Hà Nội khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Vũ Trung K ở xã P, huyện Đ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Vũ Trung K hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn 01, xã P, huyện Đ. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh K theo quy định của pháp luật. Bà Hoàng Thị L (mẹ đẻ của anh K) cung cấp thông tin đều nhận giấy báo của Tòa án và cam kết thông báo lại cho anh K. Anh K biết việc chị T xin ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết nhưng không lên Tòa án để giải quyết.

Anh Vũ Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và anh Vũ Trung K kết hôn với nhau vào năm 2018, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Hai bên đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung, vay nợ chung: Không có nên không phải giải quyết.

Nếu sau này anh K chứng minh vợ chồng có tài sản chung, vay nợ chung, yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu T và anh Vũ Trung K.

2- Về con chung, về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

3- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2017/0003185 ngày 24/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mai Linh